

CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ
VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
**HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH XÉT CẤP CHỨNG
CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
HẠNG I NĂM 2025**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-HĐXC

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Thời gian, địa điểm tổ chức, danh sách cá nhân đủ điều kiện sát hạch, mã sát hạch và cá nhân không đủ điều kiện sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông báo số 33/TB-ĐĐBĐVN ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam về việc tổ chức sát hạch cấp Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025;

Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025 của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thông báo tới các cá nhân đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hạng I Danh sách các cá nhân đủ điều kiện sát hạch, mã sát hạch và các cá nhân không đủ điều kiện sát hạch (Danh sách gửi kèm Thông báo), thời gian, địa điểm tổ chức sát hạch như sau:

1. Thời gian sát hạch: Bắt đầu 8h, ngày 04 tháng 10 năm 2025.

2. Địa điểm sát hạch: Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 41A đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

3. Danh sách cá nhân đủ điều kiện, mã sát hạch và cá nhân không đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025: Theo Danh sách gửi kèm Thông Báo.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, số 2 phố Đặng Thuỳ Trâm, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.37555243/024.37558251.

Trân trọng thông báo và đề nghị cá nhân có mặt đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Các cá nhân có tên trong Danh sách;
- Cục trưởng Hoàng Ngọc Lâm (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Các thành viên Hội đồng xét cấp;
- Văn phòng Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, CSPC.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ
VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
Hoàng Ngọc Huy**

CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ
VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG XÉT CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
HẠNG I NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN, MÃ SỐ SÁT HẠCH VÀ CÁ NHÂN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SÁT HẠCH XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXC ngày tháng 9 năm 2025)
của Hội đồng xét cấp Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2025)

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Đức An	Nam	10/8/1989	CCHN.001	Đ	K				Đ	
2	Lê Ngọc Anh	Nam	29/9/1995	CCHN.002	Đ					Đ	
3	Đào Văn Ba	Nam	08/10/1986	CCHN.003	Đ					Đ	
4	Nguyễn Văn Cầm	Nam	05/10/1978	CCHN.004	Đ					Đ	
5	Nguyễn Văn Chức	Nam	19/5/1977	CCHN.005	Đ	K	M	K	K	M	K
6	Đinh Công Cường	Nam	13/9/1977	CCHN.006	Đ			K		Đ	K
7	Nguyễn Tấn Cường	Nam	16/6/1974	CCHN.007	Đ	K				Đ	
8	Nguyễn Anh Đắc	Nam	27/10/1994	CCHN.008	Đ					Đ	
9	Nguyễn Văn Đại	Nam	28/02/1990	CCHN.009	Đ					Đ	
10	Bùi Văn Đàm	Nam	17/7/1965	CCHN.010	Đ					Đ	
11	Lê Trí Đạt	Nam	16/12/1975	CCHN.011	Đ	Đ	Đ			Đ	
12	Hoàng Cao Định	Nam	03/02/1986	CCHN.012	Đ					Đ	
13	Từ Tấn Dư	Nam	02/02/1980	CCHN.013	Đ	K				Đ	K
14	Nguyễn Văn Dữ	Nam	24/10/1992	CCHN.014	Đ					Đ	
15	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/3/1986	CCHN.015	Đ	Đ				Đ	
16	Đậu Quốc Đức	Nam	12/02/1984	CCHN.016	Đ	K				Đ	
17	Bùi Minh Đức	Nam	05/8/1988	CCHN.017	Đ	K	K			Đ	
18	Trần Quốc Dũng	Nam	17/3/1978	CCHN.018	Đ	K	K			Đ	

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Đoàn Mạnh Dũng	Nam	07/4/1989	CCHN.019	Đ					Đ	
20	Nguyễn Văn Dũng	Nam	21/11/1979	CCHN.020	Đ	K	K	K	K	Đ	K
21	Đình Văn Dược	Nam	30/11/1975	CCHN.021	Đ	K				Đ	
22	Trương Phú Dương	Nam	26/6/1978	CCHN.022	Đ	K	K		K	Đ	
23	Triệu Hùng Duy	Nam	29/6/1984	CCHN.023	Đ					Đ	
24	Đỗ Văn Duy	Nam	18/6/1982	CCHN.024	Đ					Đ	
25	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/11/1979	CCHN.025	Đ	Đ	Đ				
26	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	20/3/1973	CCHN.026	Đ		Đ			Đ	
27	Vũ Thị Hà	Nữ	12/4/1987	CCHN.027	Đ					Đ	
28	Trần Trí Hải	Nam	21/3/1993	CCHN.028	Đ					Đ	
29	Trần Nam Hải	Nam	17/4/1977	CCHN.029	Đ					Đ	
30	Trần Minh Hằng	Nữ	11/11/1973	CCHN.030	Đ	M			M	M	M
31	Lý Thu Hằng	Nữ	31/10/1979	CCHN.031	Đ	M	M		M		M
32	Cao Thị Diễm Hằng	Nữ	19/12/1979	CCHN.032	Đ	Đ	Đ			Đ	
33	Lường Thị Hạnh	Nữ	06/7/1984	CCHN.033	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K
34	Nguyễn Văn Hào	Nam	07/01/1965	CCHN.034	Đ					Đ	
35	Đỗ Thị Hoài	Nữ	05/6/1976	CCHN.035	Đ	M	K	M	K	M	M
36	Trương Văn Hùng	Nam	09/10/1994	CCHN.036	Đ					Đ	
37	Trịnh Văn Hùng	Nam	05/5/1988	CCHN.037	M					Đ	
38	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	17/11/1980	CCHN.038	Đ					Đ	
39	Vũ Ngọc Hưng	Nam	03/11/1982	CCHN.039	Đ	K	Đ			Đ	K
40	Nguyễn Hoàng Hưng	Nam	17/6/1978	CCHN.040	Đ	K	K	K	K	Đ	K
41	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	24/5/1994	CCHN.041	Đ		K			Đ	
42	Hoàng Quang Huy	Nam	08/7/1982	CCHN.042	Đ		K			Đ	K

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
43	Trương Minh Huy	Nam	16/02/1984	CCHN.043	Đ	K				Đ	
44	Tòng Văn Khiển	Nam	14/01/1989	CCHN.044	Đ					Đ	
45	Nguyễn Đình Kiên	Nam	11/10/1993	CCHN.045	Đ	Đ	Đ			Đ	
46	Dương Văn Kiên	Nam	26/5/1992	CCHN.046	Đ					Đ	
47	Phạm Văn Lạc	Nam	15/8/1978	CCHN.047	Đ					Đ	
48	Trương Ngọc Lâm	Nam	26/12/1980	CCHN.048	Đ		Đ				
49	Vũ Trọng Lâm	Nam	25/10/1991	CCHN.049	Đ	K				Đ	
50	Đặng Văn Lắm	Nam	08/9/1979	CCHN.050	Đ					Đ	
51	Nguyễn Thị Lê	Nữ	27/10/1983	CCHN.051	Đ	K	K	K	K	Đ	
52	Hồ Trọng Liên	Nam	25/10/1979	CCHN.052	Đ					Đ	
53	Phan Tấn Linh	Nam	22/12/1994	CCHN.053	Đ	K	K			Đ	K
54	Nguyễn Thị Loan	Nữ	18/10/1985	CCHN.054	Đ	Đ				Đ	
55	Lê Hà Như Lộc	Nam	12/12/1983	CCHN.055	Đ					Đ	
56	Ngô Hữu Lợi	Nam	26/10/1990	CCHN.056	Đ					Đ	
57	Nguyễn Tấn Lực	Nam	18/9/1978	CCHN.057	Đ		K			Đ	K
58	Hồ Văn Lực	Nam	09/8/1991	CCHN.058	Đ					Đ	
59	Phan Thị Lương	Nữ	09/10/1978	CCHN.059	Đ	Đ	Đ			Đ	
60	Phan Ngọc Lưu	Nam	05/5/1988	CCHN.060	Đ	K	K			Đ	
61	Mai Thị Lý	Nữ	20/11/1975	CCHN.061	Đ		Đ			Đ	
62	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	08/4/1986	CCHN.062	Đ					Đ	
63	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	19/12/1986	CCHN.063	Đ	K				Đ	
64	Vũ Đức Nam	Nam	19/10/1971	CCHN.064	Đ	Đ	Đ				
65	Đào Thị Nga	Nữ	20/12/1981	CCHN.065	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
66	Đặng Thị Nguyệt Nga	Nữ	10/7/1986	CCHN.066	Đ	K	K	K	K	Đ	

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
67	Nguyễn Ngọc Ngà	Nam	26/5/1983	CCHN.067	Đ	Đ					
68	Tạ Thị Ngân	Nữ	16/11/1985	CCHN.068	Đ	Đ	Đ			Đ	
69	Vũ Thị Bích Ngọc	Nữ	05/12/1975	CCHN.069	Đ	Đ		Đ		Đ	
70	Nguyễn Hữu Ngọc	Nam	23/6/1990	CCHN.070	Đ					Đ	
71	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	10/10/1984	CCHN.071	Đ		Đ			Đ	K
72	Dương Thị Mỹ Nương	Nữ	28/4/1980	CCHN.072	Đ		K			Đ	K
73	Nguyễn Mạnh Phong	Nam	21/5/1980	CCHN.073	Đ					Đ	
74	Phan Thế Phong	Nam	04/5/1990	CCHN.074	Đ					Đ	
75	Trần Vũ Phúc	Nam	15/7/1986	CCHN.075	Đ					Đ	
76	Hoàng Duy Phúc	Nam	21/8/1992	CCHN.076	Đ					Đ	
77	Phạm Lê Phương	Nam	06/10/1984	CCHN.077	Đ	Đ	Đ	K	K	Đ	Đ
78	Nguyễn Xuân Phương	Nữ	18/7/1988	CCHN.078	Đ		Đ			Đ	K
79	Lê Thị Quang	Nữ	14/10/1993	CCHN.079	Đ					Đ	
80	Hoàng Minh Quyết	Nam	28/9/1991	CCHN.080	Đ					Đ	
81	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	12/5/1977	CCHN.081	Đ	Đ				Đ	
82	Nguyễn Văn Sáng	Nam	25/7/1987	CCHN.082	Đ					Đ	
83	Hà Hải Sơn	Nam	11/5/1987	CCHN.083	Đ	Đ	Đ			Đ	
84	Nguyễn Công Sơn	Nam	20/8/1981	CCHN.084	Đ	M	M	K	K	M	K
85	Nguyễn Trường Sơn	Nam	20/3/1982	CCHN.085	Đ					Đ	
86	Trần Thái Sơn	Nam	24/3/1987	CCHN.086	Đ	K	K		K	Đ	
87	Trần Y Tài	Nam	20/10/1979	CCHN.087	Đ	K	K			Đ	
88	Đỗ Hồng Liên Tài	Nam	14/02/1990	CCHN.088	Đ					Đ	
89	Đỗ Văn Thái	Nam	13/02/1978	CCHN.089	Đ	Đ	Đ	K	Đ	Đ	K
90	Lê Xuân Thái	Nam	08/02/1989	CCHN.090	Đ	Đ	K				

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
91	Ngô Bá Thái	Nam	23/10/1972	CCHN.091	Đ	Đ					
92	Bùi Sỹ Thắng	Nam	26/3/1979	CCHN.092	Đ					Đ	
93	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	25/5/1978	CCHN.093	Đ					Đ	
94	Thái Đình Thanh	Nam	05/5/1967	CCHN.094	Đ	K				Đ	K
95	Nguyễn Tăng Nhật Thành	Nam	03/7/1994	CCHN.095	Đ	Đ				Đ	
96	Nguyễn Công Thành	Nam	14/11/1987	CCHN.096	Đ	Đ				Đ	
97	Nguyễn Văn Thảo	Nam	01/02/1959	CCHN.097	M	M	K		K		M
98	Nguyễn Từ Thiêm	Nam	22/7/1973	CCHN.098	Đ					Đ	
99	Chu Huy Thịnh	Nam	10/3/1995	CCHN.099	Đ	K	Đ			Đ	
100	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	05/8/1996	CCHN.100	Đ					Đ	
101	Nguyễn Duy Thông	Nam	07/4/1994	CCHN.101	Đ	Đ				Đ	
102	Nguyễn Văn Thủ	Nam	08/02/1977	CCHN.102	Đ	Đ	Đ			Đ	
103	Trương Như Thuần	Nam	15/9/1981	CCHN.103	Đ	Đ				Đ	
104	Trần Ngọc Thúy	Nữ	23/6/1995	CCHN.104	Đ					Đ	
105	Nguyễn Thanh Thủy	Nam	20/4/1984	CCHN.105	Đ	M	K	M	M	K	M
106	Trần Văn Tiếp	Nam	04/10/1982	CCHN.106	Đ	Đ				Đ	
107	Nguyễn Thanh Triều	Nam	04/4/1985	CCHN.107	Đ					Đ	
108	Nguyễn Quang Trung	Nam	06/7/1981	CCHN.108	Đ	K		K		K	Đ
109	Trần Quang Trung	Nam	01/8/1988	CCHN.109	Đ					Đ	
110	Trương Minh Trường	Nam	28/02/1994	CCHN.110	Đ	K	K	K	K	Đ	
111	Quách Mạnh Tuấn	Nam	14/11/1986	CCHN.111	Đ					Đ	
112	Nguyễn Hữu Tùng	Nam	20/9/1986	CCHN.112	Đ	Đ				Đ	
113	Lê Thanh Tùng	Nam	10/10/1990	CCHN.113	Đ					Đ	
114	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	11/5/1983	CCHN.114	Đ	Đ					

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
115	Lưu Như Tuyền	Nam	20/8/1979	CCHN.115	Đ					Đ	
116	Trần Thị Hà Vân	Nữ	06/4/1989	CCHN.116	Đ				Đ		
117	Nguyễn Thị Hải Vân	Nữ	18/10/1977	CCHN.117	Đ					Đ	
118	Võ Quốc Việt	Nam	11/10/1983	CCHN.118	Đ	Đ					
119	Nguyễn Khắc Việt	Nam	10/4/1978	CCHN.119	Đ		K			Đ	
120	Trần Xuân Vinh	Nam	17/3/1987	CCHN.120	Đ					Đ	
121	Nguyễn Quốc Vũ	Nam	20/10/1983	CCHN.121	Đ	K	K			Đ	
122	Ngô Văn Xuân	Nam	11/12/1976	CCHN.122	Đ					Đ	K
123	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	17/01/1983	CCHN.123	Đ					Đ	
124	Lê Đức Anh	Nam	10/8/1995		K					K	
125	Thái Bá Châu	Nam	04/9/1981		K	K				K	
126	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	30/7/1987		K	K	K			K	
127	Nguyễn Thanh Đồng	Nam	10/10/1984		K	K		K		K	K
128	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	18/6/1988		K					K	
129	Nguyễn Quang Hiến	Nam	01/01/1978		K	K	K		K	K	
130	Cao Mai Khánh Hòa	Nam	18/9/1989		K					K	
131	Phạm Văn Hoàn	Nam	14/5/1977		K					K	
132	Nguyễn Khánh Hùng	Nam	09/6/1994		K					K	
133	Nguyễn Chí Khang	Nam	07/4/1996		K					K	
134	Mai Hương Ly	Nữ	02/02/1984		K		K				
135	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	23/02/1977		K					K	
136	Nguyễn Thị Nguyên	Nữ	20/02/1988		K					K	
137	Phạm Hiền Nhu	Nam	16/01/1997		K					K	
138	Võ Đắc Ôn	Nam	16/12/1975		K					K	

THÔNG TIN CÁ NHÂN THAM GIA SÁT HẠCH					NỘI DUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN SÁT HẠCH						
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Kiến thức pháp luật	Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
139	Lê Mạnh Phước	Nam	07/6/1982		K	K				K	
140	Đặng Đình Phương	Nam	10/02/1990		K	K				K	K
141	Hoàng Minh Quang	Nam	01/01/1983		K					K	K
142	Phan Văn Sang	Nam	15/10/1984		K	K	K			K	
143	Đặng Văn Sáng	Nam	07/8/1987		K					K	K
144	Huỳnh Phi Sơn	Nam	12/02/1993		K	K	K			K	K
145	Lê Hữu Tâm	Nam	06/6/1996		K					K	
146	Hoàng Tất Thành	Nam	11/10/1982		K	K					
147	Trương Văn Trí	Nam	11/10/1995		K	K	K			K	
148	Lý Hồng Trường	Nam	10/6/1994		K	K				K	K
149	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	07/5/1979		K	K			K	K	
150	Dương Thanh Tùng	Nam	02/8/1984		K		K				
151	Trần Thanh Tùng	Nam	18/8/1990		K					K	
152	Nguyễn Thị Vân	Nữ	16/12/1975		K					K	
153	Phạm Quốc Vịnh	Nam	12/01/1997		K	K				K	

Ghi chú 1:

- * Đ: đủ điều kiện sát hạch xét cấp CCHN
- * K: không đủ điều kiện sát hạch xét cấp CCHN
- * M: miễn sát hạch

Ghi chú 2: Danh sách Phòng thi, Ca thi, Nội dung sát hạch sẽ được gửi theo địa chỉ Email cá nhân đã đăng ký.

**QUY CHẾ TỔ CHỨC XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I; NỘI QUY TỔ CHỨC SÁT HẠCH
XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 265/QĐ-ĐĐBĐVN ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam)

PHẦN I. QUY CHẾ

Tổ chức xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I
(Phần dành cho Hội đồng xét cấp Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I)

PHẦN II. NỘI QUY

Tổ chức sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

1. Nội dung đề thi sát hạch thực hiện theo hình thức trắc nghiệm trong thời gian 45 phút chia làm hai phần là kiến thức pháp luật và kinh nghiệm nghề nghiệp trong đó có 16 câu hỏi về kiến thức pháp luật (thời gian thi 18 phút) và 24 câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp (thời gian thi 27 phút). Đối với các thí sinh tham gia thi nhiều hơn một nội dung trong một kỳ sát hạch thì phần kiến thức pháp luật chỉ thi một lần, kết quả được dùng chung cho các nội dung thi. Các câu hỏi trong đề thi được lấy ngẫu nhiên từ Bộ câu hỏi do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam xây dựng.

2. Thí sinh phải có mặt tại địa điểm thi đúng ngày, đúng giờ quy định có mặt tại phòng chờ thi trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi để được hướng dẫn và tham dự kỳ thi. Thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

3. Khi vào phòng thi Thí sinh phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để giám thị kiểm tra đối chiếu. Thí sinh ngồi đúng chỗ theo hướng dẫn, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh lên mặt bàn để các giám thị phòng thi và các thành viên Hội đồng thi kiểm tra. Thí sinh Đăng nhập hệ thống đúng thời gian quy định, đúng nội dung thi. Thí sinh đã đăng ký thi mà vắng mặt thi được tính điểm không (0).

4. Thí sinh chỉ được mang vào phòng thi thước kẻ, bút viết để làm bài thi và một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị

chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

5. Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài thi; phải ghi đầy đủ các mục quy định đối với thí sinh trên giấy làm bài thi. Bài thi chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để làm bài thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác); không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng lên bài thi.

6. Thí sinh không được trao đổi trong thời gian thi nếu cần hỏi giám thị điều gì phải hỏi công khai; Không được nhìn bài thi của thí sinh dự thi sát hạch khác hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi. Trường hợp khi làm bài gặp sự cố kỹ thuật về máy tính phải báo ngay cho giám thị kịp thời xử lý theo quy định.

7. Thí sinh không được ra ngoài phòng thi trong thời gian thi khi chưa nộp bài và ký xác nhận vào bảng kết quả thi. Trong thời gian thi không được ra ngoài phòng thi, nếu thí sinh dự thi sát hạch có đau, ốm bất thường thì phải báo cho giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho người có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Ngừng làm bài và nộp bài cho giám thị phòng thi ngay khi giám thị tuyên bố hết thời gian làm bài thi. Phải ghi rõ tổng số tờ giấy thi đã nộp và ký vào danh sách nộp bài thi. Trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy thi.

8. Trường hợp làm bài thi trực tiếp trên máy tính:

a) Việc nhận đề thi, làm bài thi, nộp bài, chấm bài thi, thông báo kết quả thi đến thí sinh dự thi trên máy trạm khi kết thúc bài thi và lưu kết quả thi của thí sinh trong máy chủ. Phần mềm thi trắc nghiệm được xây dựng theo Quyết định số 1156/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Nghiêm cấm các hành vi làm hỏng hệ thống máy vi tính phục vụ thi; khi phát hiện máy vi tính không sử dụng được phải kịp thời báo cho giám thị để xem xét, giải quyết;

c) Thí sinh dự thi sát hạch chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài và ký xác nhận vào bảng kết quả thi. Nếu người dự thi không ký xác nhận danh sách nộp bài thi trước khi ra khỏi phòng thi thì phải nhận điểm không (0). Trường hợp giám thị phát hiện người dự thi ký thay người khác thì cả người ký thay và người được ký thay đều phải nhận điểm không (0). Việc quyết định điểm không (0) đối với các trường hợp này do Chủ tịch Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I quyết định căn cứ báo cáo của Trưởng ban coi thi;

9. Thí sinh dự thi sát hạch dự thi có quyền tố giác người vi phạm nội quy, quy chế với giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát. Thí sinh vi phạm quy chế thi thì tùy theo mức độ, thí sinh sẽ bị xử lý hình thức từ cảnh cáo đến đình chỉ thi hoặc hủy kết quả bài thi.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

1. Thí sinh vi phạm nội quy này đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Khiển trách: Hình thức kỷ luật khiển trách do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Cố ý ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;
- Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;
- Mang tài liệu vào phòng thi nhưng chưa sử dụng.

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Sử dụng tài liệu trong phòng thi;
- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với người khác;
- Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng thi.

c) Đình chỉ thi: Hình thức kỷ luật đình chỉ thi do Trường ban coi thi quyết định, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy thi;

d) Hủy kết quả thi: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam quyết định hủy bỏ kết quả thi đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Điền các nội dung phản cảm, cấm không liên quan đến bài thi;
- Đánh tráo bài thi hoặc thi hộ hoặc bị đình chỉ thi.

đ) Thí sinh cố ý gây mất an toàn trong phòng thi, ngoài việc bị đình chỉ và hủy kết quả thi, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

2. Thí sinh vi phạm nội quy phải bị lập biên bản, giám thị phòng thi và thí sinh cùng phải ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trường ban coi thi. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì giám thị phòng thi mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.

3. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy thi cho Giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi, thành viên Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I, thành viên Ban giám sát thi.

4. Trừ điểm bài thi:

a) Thí sinh bị khiển trách sẽ bị trừ 25% tổng số điểm của bài thi;

b) Thí sinh bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% tổng số điểm của bài thi.

5. Việc trừ điểm bài thi quy định khoản 4 Điều này hoặc chấm điểm không (0) quy định tại khoản 5 Điều này do Trưởng ban chấm thi quyết định căn cứ vào báo cáo bằng văn bản của thành viên chấm thi.

6. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là thí sinh dự thi nếu bị hủy kết quả thi theo quy định tại khoản 5 Điều này còn bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Quy định đối với giám thị phòng thi

1. Phải có mặt tại địa điểm thi đúng giờ quy định. Giám thị coi thi phải có mặt trước 30 phút giờ thi ca thi 01 để nhận hồ sơ thi, kiểm tra phòng thi và xếp vị trí cho thí sinh, 15 phút cho các ca thi còn lại. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

2. Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra giấy tờ, hướng dẫn thí sinh ngồi đúng chỗ quy định và kiểm tra các vật dụng thí sinh mang vào phòng thi, tuyệt đối không để thí sinh mang vào phòng thi mọi tài liệu và vật dụng cấm theo quy định.

3. Hướng dẫn và kiểm tra thí sinh đăng nhập, ghi các thông tin cá nhân liên quan đến bài thi, nộp bài thi; Sau khi thí sinh kết thúc nội dung làm bài thi, yêu cầu thí sinh ký xác nhận điểm thi vào danh sách thí sinh dự thi; bàn giao danh sách thi đã xác nhận của thí sinh cho Trưởng ban coi thi.

4. Không được đứng gần thí sinh, giúp đỡ thí sinh làm bài thi dưới bất kỳ hình thức nào; chỉ được trả lời công khai các câu hỏi của thí sinh trong phạm vi quy định.

5. Nếu có thí sinh vi phạm kỷ luật thì phải lập biên bản xử lý theo đúng quy định. Nếu có tình huống bất thường phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng.

6. Giám sát hoạt động của máy tính xử lý sự cố mất điện, máy tính hỏng theo quy định; Phối hợp với Kỹ thuật viên hướng dẫn thí sinh kiểm tra máy vi tính, chuột, bàn phím, giờ trên máy vi tính trước khi bắt đầu thi. Xử lý các tình huống, sự cố bất thường trong quá trình thi.

7. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền

tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng thi.

8. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế thi

1. Người tham gia tổ chức thi (thành viên Hội đồng, thành viên các Ban giúp việc của Hội đồng, thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thi ngoài việc bị đình chỉ làm công tác thi còn bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không tham gia tổ chức thi nhưng có các hành vi, như: thi hộ, chuyển đề thi ra ngoài, đưa lời giải vào cho thí sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ thi, gây rối làm mất trật tự tại khu vực thi bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người tham gia tổ chức thi và những người có liên quan đến việc tổ chức thi không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thi, tùy theo tính chất, mức độ bị cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

4. Người tham gia tổ chức thi và những người có liên quan đến việc tổ chức thi vi phạm nội quy, quy chế thi thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không để đảm nhiệm những công việc có liên quan đến công tác tổ chức thi từ 01 năm đến 03 năm kể từ năm tổ chức thi có hành vi vi phạm./.
